

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

01

Chủ hộ: **Trần Hồng Đức**
Số CCCD: **031050000552** Ngày cấp: **23/08/2022** Số điện thoại: **0936940104**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Đông Sách - TDP Lê Sáng**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	495,00					64.350.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 27/8+34/8								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 337/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 21/10/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2	340,80		130.000		100%	44.304.000	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2	154,20		130.000		100%	20.046.000	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2					0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							458.900	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							458.900	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 27/8							458.900	
	Rau muống toàn bộ DT: 35,3	m2	35,30		13.000		100%	458.900	
	sung Ø7: 2	Cây	2,00		187.000		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 34/8							0	
	Chè xanh gốc 3-4cm; cao 1.8-2.0m; tán 0.15-0.2; 4 cây/m2 *300m2: 1200	Cây	1.200,00		7.000		0%	0	
	Sung ăn lá tán 1.0m cao 1.5m gốc 6-7cm: 15	Cây	15,00		187.000		0%	0	
	Mơ lông: 10		10,00		0		0%	0	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3	Các khoản hỗ trợ:							0	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	0		0		100%	0	
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	0,00		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số: Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, chín trăm đồng./.							64.808.900	

NGƯỜI LẬP BIỂU
 TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

02

Chủ hộ: **Nguyễn Đình Đĩa**
Số CCCD: **031052010795** Ngày cấp: **05/06/2022** Số điện thoại: **0827422829**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	2.811,50					338.260.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 228/1+515/1+133/3+294/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 519/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	2.602,00		130.000		100%	338.260.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	209,50		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							26.020.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							26.020.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 228/1 Trồng lúa: 356,0	m2	356,00		10.000		100%	3.560.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 515/1 Trồng lúa: 1080	m2	1.080,00		10.000		100%	10.800.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 133/3 Trồng lúa: 900	m2	900,00		10.000		100%	9.000.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 294/3 Trồng lúa: 266,0	m2	266,00		10.000		100%	2.660.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.879.178.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.879.178.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	12		7.200.000		100%	86.400.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khâu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khâu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	2.602		130.000		30%	101.478.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	2602,00		130.000		500%	1.691.300.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							2.243.458.000	
	Bảng chữ: Hai tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)**

03

Chủ hộ: **Trần Đức Dũng**
Số CCCD: **031167001138** Ngày cấp: **09/05/2021** Số điện thoại: **0787399756**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Văn Tiến**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHOÍ LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.030,30					133.770.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 197/2+232/2+447/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 370/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.029,00		130.000		100%	133.770.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	1,30		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							0	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							0	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							712.581.000	
3.1	Đổi với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							712.581.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	1		3.600.000		100%	3.600.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.029		130.000		30%	40.131.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1029,00		130.000		500%	668.850.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số: Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi một nghìn đồng./.							846.351.000	

NGƯỜI LẬP BIỂU TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

04

Chủ hộ: **Trần Văn Ngộ**
Số CCCD: **031094014351** Ngày cấp: **25/08/2022** Số điện thoại: **0946374559**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Văn Tiến**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	388,00					50.440.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 418/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 433a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	388,00		130.000		100%	50.440.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2					0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							3.880.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 418/2 Trồng lúa: 388,0	m2	388,00		10.000		100%	3.880.000 3.880.000 3.880.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							292.532.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							292.532.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	7		3.600.000		100%	25.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	388		130.000		30%	15.132.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	388,00		130.000		500%	252.200.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							346.852.000	
	Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

05

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Tiệp**
Số CCCD: **03106601776** Ngày cấp: **11/08/2021** Số điện thoại: **0904046225**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Văn Tiến**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	760,50					98.670.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 201/2+243/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 362/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	689,00		130.000		100%	89.570.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2	70,00		130.000		100%	9.100.000	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	1,50		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							7.590.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							7.590.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 201/2							4.870.000	
	Trồng lúa: 487,0	m2	487,00		10.000		100%	4.870.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 243/2							2.720.000	
	Trồng lúa: 272,0	m2	272,00		10.000		100%	2.720.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							503.521.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							503.521.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	8		3.600.000		100%	28.800.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	689		130.000		30%	26.871.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	689,00		130.000		500%	447.850.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							609.781.000	
	Bằng chữ: Sáu trăm lẻ chín triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)**

06

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Cây**
Số CCCD: **030168002231** Ngày cấp: **23/11/2021** Số điện thoại: **0343125420**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Văn Tiến**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	530,00					68.900.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 446/2+466/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 365/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	530,00		130.000		100%	68.900.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2					0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							5.300.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							5.300.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 446/2							3.760.000	
	Trồng lúa: 376,0	m2	376,00		10.000		100%	3.760.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 466/2							1.540.000	
	Trồng lúa: 154,0	m2	154,00		10.000		100%	1.540.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							370.570.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							370.570.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	3		1.800.000		100%	5.400.000	
	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	530		130.000		30%	20.670.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	530,00		130.000		500%	344.500.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							444.770.000	
	Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

07

Chủ hộ: **Phạm Thế Thuận**
Số CCCD: 031057001023 Ngày cấp: 05/05/2021 Số điện thoại: 0398155484
Địa chỉ thửa đất thu hồi: Văn Tiến
Địa chỉ thường trú: Hồng An

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	2.193,30					258.310.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 23/2+71/2+235/2+409/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 388a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.844,00		130.000		100%	239.720.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	143,00		130.000		100%	18.590.000	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	206,30		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							5.500.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							5.500.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 23/2							0	
	Na giống, cao 0,6, phi 1: 1430	Cây	1.430,00		65.000		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 71/2							0	
	Sắn thuyền cao 1,4m, phi 3 10c/h x45h: 10		10,00		0		0%	0	
	Sắn thuyền cao 1,8m, phi 3, 12c/hx15h: 10		10,00		0		0%	0	
	Chuối có buồng cao > 1,2m: 2	Cây	2,00		200.000		0%	0	
	Chuối không có buồng >1,2m: 22	Cây	22,00		70.000		0%	0	
	Mít phi 17, cao 2,5m: 10	Cây	10,00		3.111.000		0%	0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Mít phi 10: 7	Cây	7,00		398.000		0%	0	
	Hải đường cao 2,5m phi 5: 30	Cây	30,00		300.000		0%	0	
	Chanh cao 1,5m phi 3: 2	Cây	2,00		124.000		0%	0	
	Na phi 5 cao 2,0m: 20	Cây	20,00		124.000		0%	0	
	Sầu phi 25 cao 3,0m: 1	Cây	1,00		2.240.000		0%	0	
	Ỗi phi 15 cao 1,8m: 2	Cây	2,00		473.000		0%	0	
	Xoan phi 35 cao 4m: 2	Cây	2,00		900.000		0%	0	
	Cau phi 15 cao 7,0m: 12	Cây	12,00		1.120.000		0%	0	
	Cau phi 12 cao 5,5m: 5	Cây	5,00		1.120.000		0%	0	
	Nhân cao 2,5m phi 15: 2	Cây	2,00		336.000		0%	0	
	Vối phi 20, cao >4m: 2	Cây	2,00		435.000		0%	0	
	Cam phi 15: 7	Cây	7,00		149.000		0%	0	
	Bòng phi 10: 6	Cây	6,00		162.000		0%	0	
	Quất cao 1,4m phi 4, tán 1,3: 10	Cây	10,00		149.000		0%	0	
	Mẫu đơn phi 5, cao 1,8m: 5	Cây	5,00		250.000		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 235/2							0	
	Na giống, cao 0,6, phi 1: 420	Cây	420,00		65.000		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 409/2							5.500.000	
	Trồng lúa: 550,0	m2	550,00		10.000		100%	5.500.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.426.643.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.328.116.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	8		7.200.000		100%	57.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.844		130.000		30%	71.916.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1844,00		130.000		500%	1.198.600.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							98.527.000	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	143		130.000		30%	5.577.000	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	143,0		130.000		500%	92.950.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							1.690.453.000	
	Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

08

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Tám**
Số CCCD: 031061003959 Ngày cấp: 22/12/2021 Số điện thoại: 0866704109
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Văn Tiến**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.193,80					154.700.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 224/2+236/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 377a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.190,00		130.000		100%	154.700.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	3,80		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							21.658.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							21.658.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 224/2							6.734.000	
	Mùi tàu: 370,0	m2	370,00		18.200		100%	6.734.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 236/2							14.924.000	
	Mùi tàu: 820,0	m2	820,00		18.200		100%	14.924.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							830.710.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							830.710.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	3		3.600.000		100%	10.800.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.190		130.000		30%	46.410.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1190,00		130.000		500%	773.500.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							1.007.068.000	
	Bằng chữ: Một tỷ, không trăm lẻ bảy triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

09

Chủ hộ: **Đào Văn Duyên**
Số CCCD: **031074002382** Ngày cấp: **23/12/2021** Số điện thoại: **0936239095**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Văn Tiến**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	986,50					115.804.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 9/2+157/2+286/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 383a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	890,80		130.000		100%	115.804.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	95,70		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							0	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 9/2 Na giống cao 30-50cm, Ø1-Ø1.5, 12 cây/m2: 12*218,0	Cây	2.616,00		75.000		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 157/2 Na giống cao 30-50cm, Ø1-1.5, 6 cây/m2: 6*300	Cây	1.800,00		75.000		0%	0	
	Quất cao 1.5-1.7m, tán 1.0m2, Ø3-Ø4cm : 20	Cây	20,00		25.000		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 286/2 Na giống cao 30-50cm; Ø1-Ø1.5, 15 cây/m2: 15*308,0	Cây	4.620,00		25.000		0%	0	
	Cau giống mật độ 4 cây/m2, Ø1-Ø1.5, cao 20-30cm: 4*308,0	Cây	1.232,00		75.000		0%	0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Chậu cây hạnh phúc: 60	Cây	60,00		50.000		0%	0	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							646.161.200	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							646.161.200	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	9		3.600.000		100%	32.400.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	891		130.000		30%	34.741.200	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	890,80		130.000		500%	579.020.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							761.965.200	
	Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

10

Chủ hộ: **Vũ Văn Hậu**
Số CCCD: **031086001123** Ngày cấp: **16/09/2022** Số điện thoại: **0374848786**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Văn Tiến**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	725,60					93.808.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 19/2+483/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 387a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	674,40		130.000		100%	87.672.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	47,20		130.000		100%	6.136.000	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	4,00		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							6.784.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							6.784.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 19/2 Trồng lúa: 373,4	m2	373,40		10.000		100%	3.734.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 483/2 Trồng lúa: 305,0	m2	305,00		10.000		100%	3.050.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							518.782.400	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							486.261.600	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	6		3.600.000		100%	21.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	674		130.000		30%	26.301.600	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	674,40		130.000		500%	438.360.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							32.520.800	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	47		130.000		30%	1.840.800	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	47,2		130.000		500%	30.680.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							619.374.400	
	Bằng chữ: Sáu trăm mười chín triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

11

Chủ hộ: **Trần Đức Uyên**
Số CCCD: **031076003392** Ngày cấp: **23/12/2021** Số điện thoại: **0379713769**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Văn Tiến**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.125,90					141.830.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 230/2+388/2+433/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 414/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.091,00		130.000		100%	141.830.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	34,90		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							0	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 230/2 Na giống, cao 60cm, phi 1: 1060		1.060,00		0		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 388/2 Cau giống (uom) cao 0,3 cm, phi 1: 7200		7.200,00		0		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 433/2 Quất phi 5 cao 2,0, tán 1,5m: 15		15,00		0		0%	0	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3	Các khoản hỗ trợ:							802.099.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							802.099.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	7		7.200.000		100%	50.400.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.091		130.000		30%	42.549.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1091,00		130.000		500%	709.150.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							943.929.000	
	Bảng chữ: Chín trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

12

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Đông**
Số CCCD: **031155002312** Ngày cấp: **11/08/2021** Số điện thoại: **0907412389**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	842,70					109.200.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 314/1+317/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 498/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	840,00		130.000		100%	109.200.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	2,70		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							8.400.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							8.400.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 314/1							3.830.000	
	Trồng lúa: 383,0	m2	383,00		10.000		100%	3.830.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 317/1							4.570.000	
	Trồng lúa: 457,0	m2	457,00		10.000		100%	4.570.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							614.760.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							614.760.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	10		3.600.000		100%	36.000.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	840		130.000		30%	32.760.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	840,00		130.000		500%	546.000.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							732.360.000	
	Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

13

Chủ hộ: **Phạm Trung Tiền**
Số CCCD: 031061000662 Ngày cấp: 09/05/2021 Số điện thoại: 0386475780
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuyên Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	759,90					94.510.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 411/1+334/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 489/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	727,00		130.000		100%	94.510.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	32,90		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							8.082.700	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							8.082.700	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 411/1							3.400.000	
	Trồng lúa: 340,0	m2	340,00		10.000		100%	3.400.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 334/3							4.682.700	
	Rau Kinh giới: 387,0	m2	387,00		12.100		100%	4.682.700	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							522.503.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							522.503.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	6		3.600.000		100%	21.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	727		130.000		30%	28.353.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	727,00		130.000		500%	472.550.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							625.095.700	
	Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)**

14

Chủ hộ: **Phạm Thế Hải**
Số CCCD: **031053010379** Ngày cấp: **23/11/2021** Số điện thoại: **0908835302**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	845,90					87.490.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 155/1+165/1+168/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 480/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	673,00		130.000		100%	87.490.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	172,90		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							3.250.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 165/1 Trồng lúa: 325,0	m2	325,00		10.000		100%	3.250.000 3.250.000 3.250.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							467.297.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							467.297.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	1		3.600.000		100%	3.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	673		130.000		30%	26.247.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	673,00		130.000		500%	437.450.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							558.037.000	
	Bằng chữ: Năm trăm năm mươi tám triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

15

Chủ hộ: **Bùi Thị Đọ**
Số CCCD: 031158014200 Ngày cấp: 13/03/2022 Số điện thoại: 0966987205
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.461,00					183.690.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 303/1+539/1+125/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 465/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.052,50		130.000		100%	136.825.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	360,50		130.000		100%	46.865.000	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	48,00		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							14.130.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							14.130.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 303/1 Trồng lúa: 403,0	m2	403,00		10.000		100%	4.030.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 539/1 Trồng lúa: 550,0	m2	550,00		10.000		100%	5.500.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 125/1 Trồng lúa: 460,0	m2	460,00		10.000		100%	4.600.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3	Các khoản hỗ trợ:							1.013.157.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							764.772.500	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	11		3.600.000		100%	39.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.053		130.000		30%	41.047.500	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1052,50		130.000		500%	684.125.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							248.384.500	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	361		130.000		30%	14.059.500	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	360,5		130.000		500%	234.325.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							1.210.977.000	
	Bảng chữ: Một tỷ, hai trăm mười triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

16

Chủ hộ: **Hoàng Đình Khuê**
Số CCCD: **025160000193** Ngày cấp: **09/05/2021** Số điện thoại: **0384855798**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.505,40					183.820.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 340/3+364/3+367/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 447/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.318,00		130.000		100%	171.340.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	96,00		130.000		100%	12.480.000	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	91,40		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							14.364.400	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							14.364.400	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 340/3 Trồng lúa: 550,0	m2	550,00		10.000		100%	5.500.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 364/3 Rau kinh giới: 564,0	m2	564,00		12.100		100%	6.824.400	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 367/3 Trồng lúa: 204,0	m2	204,00		10.000		100%	2.040.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3	Các khoản hỗ trợ:							1.003.046.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							936.902.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	8		3.600.000		100%	28.800.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.318		130.000		30%	51.402.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1318,00		130.000		500%	856.700.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							66.144.000	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	96		130.000		30%	3.744.000	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	96,0		130.000		500%	62.400.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							1.201.230.400	
	Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm lẻ một triệu, hai trăm ba mươi nghìn, bốn trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

17

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Thủy (Nguyễn Xuân Thủy)**
Số CCCD: 031064004181 Ngày cấp: 22/02/2024 Số điện thoại: 0944744236
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	925,40					120.250.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 405/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 448a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/1/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	925,00		130.000		100%	120.250.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	0,40		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							9.250.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 405/1 Trồng lúa: 925,0	m2	925,00		10.000		100%	9.250.000 9.250.000 9.250.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							662.525.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							662.525.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	7		3.600.000		100%	25.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	925		130.000		30%	36.075.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	925,00		130.000		500%	601.250.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							792.025.000	
	Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

18

Chủ hộ: **Hoàng Đình Chuyên**
Số CCCD: 031074001352 Ngày cấp: 23/11/2021 Số điện thoại: 0945238727
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	608,20					77.870.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 234/1+220/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 502/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	599,00		130.000		100%	77.870.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	9,20		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							4.576.400	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							4.576.400	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 234/1							2.146.400	
	Sân thuyền cao 2,5m, tán 1,0m, phi 6: 16	m2	16,00		7.900		100%	126.400	
	Hoa chiều tím: 137*0,4*2		109,60		0		0%	0	
	Rau muống: 60,0*2,0	m2	120,00		13.000		100%	1.560.000	
	Sen: 5*8	m2	40,00		9.300		100%	372.000	
	Sả 4 khóm 2 m: 4,0*2,0	m2	8,00		11.000		100%	88.000	
	Đường bê tông lõi đi: (65*0,9*0,1)	m3	5,85		1.629.758		0%	0	
	Tường bao xây gạch chỉ 110: 65*0,5*0,11	m3	3,58		2.126.713		0%	0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Trụ xây gạch chi: 0,4*0,4*1,2*2	m3	0,38		2.623.803		0%	0	
	Ôi phi 8: 3	Cây	3,00		311.000		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 220/3							2.430.000	
	Trồng lúa: 243,0	m2	243,00		10.000		100%	2.430.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							434.311.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							434.311.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	3		7.200.000		100%	21.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khâu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khâu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	599		130.000		30%	23.361.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	599,00		130.000		500%	389.350.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							516.757.400	
	Bảng chữ: Năm trăm mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

19

Chủ hộ: **Hoàng Đình Quê**
Số CCCD: 031063018338 Ngày cấp: 22/12/2021 Số điện thoại: 0383274140
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	2.017,80					241.670.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 361/1+112/3+343/3+354/3+365/3+366/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 497/NGSĐĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.738,40		130.000		100%	225.992.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	120,60		130.000		100%	15.678.000	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	158,80		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							15.824.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							15.824.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 361/1 Trồng lúa: 354,0	m2	354,00		10.000		100%	3.540.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 112/3 Trồng lúa: 240,0	m2	240,00		10.000		100%	2.400.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 343/3 Trồng lúa: 620,0	m2	620,00		10.000		100%	6.200.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 354/3							2.190.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Trồng lúa: 219,0 Thửa số/Tờ bản đồ số: 365/3 Trồng lúa: 149.4	m2	219,00		10.000		100%	2.190.000 1.494.000 1.494.000	
		m2	149,40		10.000		100%		
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.324.051.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.240.957.600	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	6		7.200.000		100%	43.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khâu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khâu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.738		130.000		30%	67.797.600	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1738,40		130.000		500%	1.129.960.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							83.093.400	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	121		130.000		30%	4.703.400	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	120,6		130.000		500%	78.390.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							1.581.545.000	
	Bảng chữ: Một tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

20

Chủ hộ: **Khúc Đình Thủy**
Số CCCD: 031061003606 Ngày cấp: 09/05/2021 Số điện thoại: 0772208485
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuyên Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	792,10					102.700.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 245/1+107/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 504/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 7/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	790,00		130.000		100%	102.700.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	2,10		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							11.949.300	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							11.949.300	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 245/1							9.444.600	
	Tía tô: 583,0	m2	583,00		16.200		100%	9.444.600	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 107/3							2.504.700	
	Kinh Giới: 207,0	m2	207,00		12.100		100%	2.504.700	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							551.510.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							551.510.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	2		3.600.000		100%	7.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	790		130.000		30%	30.810.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	790,00		130.000		500%	513.500.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							666.159.300	
	Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

21

Chủ hộ: **Bùi Đình Quyền**
Số CCCD: 031186004942 Ngày cấp: 10/08/2021 Số điện thoại: 0348782304
Địa chỉ thửa đất thu hồi: Lê Xá
Địa chỉ thường trú: Đại Bản, Hồng An

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.172,50					152.360.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 89/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 643/NGSĐĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 10/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	807,60		130.000		100%	104.988.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	364,40		130.000		100%	47.372.000	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	0,50		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							8.076.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 89/2 Trồng lúa: 807.6	m2	807,60		10.000		100%	8.076.000 8.076.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							829.108.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							578.036.400	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	6		3.600.000		100%	21.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	808		130.000		30%	31.496.400	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	807,60		130.000		500%	524.940.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							251.071.600	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	364		130.000		30%	14.211.600	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	364,4		130.000		500%	236.860.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							989.544.000	
	Bằng chữ: Chín trăm tám mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

22

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Dương**
Số CCCD: **031058011105** Ngày cấp: **19/08/2022** Số điện thoại: **0384575298**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Lê Xá**
Địa chỉ thường trú: **Đại Bản, Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	643,30					82.940.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 94/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 664a/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/1/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	638,00		130.000		100%	82.940.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	5,30		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							6.380.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 94/2 Trồng lúa: 638,0	m2	638,00		10.000		100%	6.380.000 6.380.000 6.380.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							457.582.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							457.582.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	5		3.600.000		100%	18.000.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	638		130.000		30%	24.882.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	638,00		130.000		500%	414.700.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							546.902.000	
	Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm lẻ hai nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

24

Chủ hộ: **Hoàng Đình Hồng**
Số CCCD: Ngày cấp: Số điện thoại:
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	505,80					64.480.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 183/3+386/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 944a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	400,90		130.000		100%	52.117.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	95,10		130.000		100%	12.363.000	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	9,80		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							4.009.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							4.009.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 183/3							3.870.000	
	Trồng lúa: 387,0	m2	387,00		10.000		100%	3.870.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 386/3							139.000	
	Trồng lúa: 13,9	m2	13,90		10.000		100%	139.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							343.544.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							278.020.100	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	1		1.800.000		100%	1.800.000	
3.1.2	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	401		130.000		30%	15.635.100	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	400,90		130.000		500%	260.585.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							65.523.900	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	95		130.000		30%	3.708.900	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	95,1		130.000		500%	61.815.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							412.033.000	
	Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, không trăm ba mươi ba nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

25

Chủ hộ: **Hoàng Đình Quang**
Số CCCD: 031147006585 Ngày cấp: 23/02/2022 Số điện thoại: 0934237940
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	2.276,50					290.680.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 353/1+123/3+127/3+216/3+228/3+237/3+361/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 949a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	2.126,30		130.000		100%	276.419.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	109,70		130.000		100%	14.261.000	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	40,50		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							41.523.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							41.523.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 353/1							11.280.000	
	Trồng lúa: 564,0	m2	564,00		10.000		100%	5.640.000	
	Trồng lúa: 564	m2	564,00		10.000		100%	5.640.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 123/3							12.400.000	
	Trồng lúa: 620,0	m2	620,00		10.000		100%	6.200.000	
	Trồng lúa: 620,0	m2	620,00		10.000		100%	6.200.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 127/3							2.200.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Trồng lúa: 110	m2	110,00		10.000		100%	1.100.000	
	Trồng lúa: 110,0	m2	110,00		10.000		100%	1.100.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 216/3							1.400.000	
	Trồng lúa: 140,0	m2	140,00		10.000		100%	1.400.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 228/3							700.000	
	Trồng lúa: 70,0	m2	70,00		10.000		100%	700.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 237/3							10.020.000	
	Trồng lúa: 501,0	m2	501,00		10.000		100%	5.010.000	
	Trồng lúa: 501	m2	501,00		10.000		100%	5.010.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 361/3							3.523.000	
	Trồng lúa: 121,3	m2	121,30		10.000		100%	1.213.000	
	Trồng lúa: 231,0	m2	231,00		10.000		100%	2.310.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.594.604.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.519.020.700	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	15		3.600.000		100%	54.000.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	2.126		130.000		30%	82.925.700	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	2126,30		130.000		500%	1.382.095.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							75.583.300	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	110		130.000		30%	4.278.300	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	109,7		130.000		500%	71.305.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							1.926.807.000	
	Bảng chữ: Một tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn đồng./.								

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

26

Chủ hộ: **Trần Thị Bình (đã chết)- Phạm Thế Bình, Phạm Thế Quang (con)**
Số CCCD: 031069023462 Ngày cấp: 23/11/2021 Số điện thoại: 0964138241
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	758,70					97.110.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 462/1+89/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 970a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	747,00		130.000		100%	97.110.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	11,70		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							0	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 462/1							0	
	Đất trống		0,00		0		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 89/3							0	
	Đất trống		0,00		0		0%	0	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							534.483.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							534.483.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	11		1.800.000		100%	19.800.000	
	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	747		130.000		30%	29.133.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	747,00		130.000		500%	485.550.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							631.593.000	
	Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi một triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

27

Chủ hộ: **Trần Đức Cường**
Số CCCD: **031061012635** Ngày cấp: **07/03/2022** Số điện thoại:
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Vụ Nông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	902,20					110.240.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 94/1+259/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 457/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/11/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	848,00		130.000		100%	110.240.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	54,20		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							8.390.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							8.390.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 94/1							4.230.000	
	Trồng lúa: 423,0	m2	423,00		10.000		100%	4.230.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 259/1							4.160.000	
	Trồng lúa: 416,0	m2	416,00		10.000		100%	4.160.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							609.472.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							609.472.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	7		3.600.000		100%	25.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	848		130.000		30%	33.072.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	848,00		130.000		500%	551.200.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							728.102.000	
	Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tám triệu, một trăm lẻ hai nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

28

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Khor**
Số CCCD: 031061003721 Ngày cấp: 28/06/2021 Số điện thoại: 0347352527
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	2.584,80					322.387.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 580/1+602/1+608/1+7/3+9/3+64/3+251/3+265/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 970a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026.								
1.2	Đối với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	2.479,90		130.000		100%	322.387.000	
1.3	Đối với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đối với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đối với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đối với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đối với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	104,90		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							28.144.600	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							28.144.600	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 580/1 Trồng lúa: 600,0	m2	600,00		10.000		100%	6.000.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 602/1 Mùi tàu: 408,0	m2	408,00		18.200		100%	7.425.600	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 608/1 Trồng lúa: 199,0	m2	199,00		10.000		100%	1.990.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 7/3							2.200.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Trồng lúa: 220,0 Thửa số/Tờ bản đồ số: 9/3	m2	220,00		10.000		100%	2.200.000 3.900.000	
	Trồng lúa: 390,0 Thửa số/Tờ bản đồ số: 64/3	m2	390,00		10.000		100%	3.900.000 1.309.000	
	Trồng lúa: 130,9 Thửa số/Tờ bản đồ số: 251/3	m2	130,90		10.000		100%	1.309.000 3.480.000	
	Trồng lúa: 348,0 Thửa số/Tờ bản đồ số: 265/3	m2	348,00		10.000		100%	3.480.000 1.840.000	
	Trồng lúa: 184,0	m2	184,00		10.000		100%	1.840.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.809.451.100	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.809.451.100	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	14		7.200.000		100%	100.800.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khâu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khâu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	2.480		130.000		30%	96.716.100	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	2479,90		130.000		500%	1.611.935.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							2.159.982.700	
	Bảng chữ: Hai tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm đồng./.								

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

29

Chủ hộ: **Trần Đức Thuận (chết)**
Số CCCD: 031189001448 Ngày cấp: 22/12/2024 Số điện thoại: 0982261233
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	975,30					126.100.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 417/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 548/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 107/11/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	970,00		130.000		100%	126.100.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	5,30		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							19.400.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							19.400.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 417/1							19.400.000	
	Trồng lúa: 970,0	m2	970,00		10.000		100%	9.700.000	
	Trồng lúa: 970,0	m2	970,00		10.000		100%	9.700.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							675.530.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							675.530.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	2		3.600.000		100%	7.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	970		130.000		30%	37.830.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	970,00		130.000		500%	630.500.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							821.030.000	
	Bằng chữ: Tám trăm hai mươi một triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)**

31

Chủ hộ: **Bùi Văn Tam**
Số CCCD: **031055009442** Ngày cấp: **21/09/2021** Số điện thoại: **0975560970**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.112,20					143.260.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 432/1+438/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 592a/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 08/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.102,00		130.000		100%	143.260.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	10,20		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							22.142.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							22.142.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 432/1							11.466.000	
	Trồng lúa: 570,0	m2	570,00		10.000		100%	5.700.000	
	Trồng lúa: 576,6	m2	576,60		10.000		100%	5.766.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 438/1							10.676.000	
	Trồng lúa: 532,0	m2	532,00		10.000		100%	5.320.000	
	Trồng lúa: 535,6	m2	535,60		10.000		100%	5.356.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3	Các khoản hỗ trợ:							784.478.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							784.478.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	7		3.600.000		100%	25.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.102		130.000		30%	42.978.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1102,00		130.000		500%	716.300.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							949.880.000	
	Bảng chữ: Chín trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

32

Chủ hộ: **Phạm Trung Tọa (chết)**
Số CCCD: 031158007161 Ngày cấp: 13/08/2021 Số điện thoại: 0378149653
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	392,70					49.920.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 569/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 631a/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 08/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	384,00		130.000		100%	49.920.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	8,70		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							3.840.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							3.840.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 569/1							3.840.000	
	Trồng lúa: 384	m2	384,00		10.000		100%	3.840.000	
	Trồng lúa: 384,0	m2	384,00		10.000		0%	0	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							269.976.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							269.976.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	3		1.800.000		100%	5.400.000	
3.1.2	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	384		130.000		30%	14.976.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	384,00		130.000		500%	249.600.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							323.736.000	
	Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

33

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Nguyên**
Số CCCD: **031063003764** Ngày cấp: **31/08/2021** Số điện thoại: **0369420465**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Văn Tiến**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	483,40					62.270.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 441/2+462/2+80/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 996a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	479,00		130.000		100%	62.270.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	4,40		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							4.790.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							4.790.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 441/2							2.040.000	
	Trồng lúa: 204,0	m2	204,00		10.000		100%	2.040.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 462/2							1.250.000	
	Trồng lúa: 125,0	m2	125,00		10.000		100%	1.250.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 80/3							1.500.000	
	Trồng lúa: 150	m2	150,00		10.000		100%	1.500.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3	Các khoản hỗ trợ:							337.231.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							337.231.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	4		1.800.000		100%	7.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	479		130.000		30%	18.681.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	479,00		130.000		500%	311.350.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							404.291.000	
	Bảng chữ: Bốn trăm lẻ bốn triệu, hai trăm chín mươi một nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)**

34

Chủ hộ: **Hoàng Thị Ngát**
Số CCCD: **031149009117** Ngày cấp: **21/12/2021** Số điện thoại: **0911108136**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	347,20					9.100.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 246/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 896a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	70,00		130.000		100%	9.100.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	277,20		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							700.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 246/3 Thửa 246/03 Trồng lúa: 70,0	m2	0,00 70,00		0 10.000		0% 100%	0 700.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							60.830.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							60.830.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	7		1.800.000		100%	12.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	70		130.000		30%	2.730.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	70,00		130.000		500%	45.500.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							70.630.000	
	Bằng chữ: Bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

35

Chủ hộ: **Mai Văn Hạ (chết) - Mai Văn Đoàn (con)**
Số CCCD: **031068014225** Ngày cấp: **12/08/2021** Số điện thoại: **0916941539**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.640,60					213.018.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 605/1+71/3+259/3+326/3+329/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 1001a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026.								
1.2	Đối với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.638,60		130.000		100%	213.018.000	
1.3	Đối với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đối với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đối với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đối với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đối với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	2,00		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							13.230.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							13.230.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 605/1 Trồng lúa: 370	m2	370,00		10.000		100%	3.700.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 71/3 Trồng lúa: 294	m2	294,00		10.000		100%	2.940.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 259/3 Trồng lúa: 370	m2	370,00		10.000		100%	3.700.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 326/3							1.360.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Trồng lúa: 136	m2	136,00		10.000		100%	1.360.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 329/3							1.530.000	
	Trồng lúa: 153	m2	153,00		10.000		100%	1.530.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.136.195.400	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.136.195.400	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	2		3.600.000		100%	7.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.639		130.000		30%	63.905.400	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1638,60		130.000		500%	1.065.090.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							1.362.443.400	
	Bảng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

36

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Ruồi**
Số CCCD: 031163002174 Ngày cấp: 23/12/2021 Số điện thoại: 0365869247
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.829,60					227.370.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 218/1+174/3+292/3+328/3+397/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 521a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/11/2025.								
1.2	Đối với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.749,00		130.000		100%	227.370.000	
1.3	Đối với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đối với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đối với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đối với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đối với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	80,60		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							17.490.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							17.490.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 218/1 Trồng lúa: 195	m2	195,00		10.000		100%	1.950.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 174/3 Trồng lúa: 816	m2	816,00		10.000		100%	8.160.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 292/3 Trồng lúa: 330	m2	330,00		10.000		100%	3.300.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 328/3							3.300.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Trồng lúa: 330	m2	330,00		10.000		100%	3.300.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 397/3							780.000	
	Trồng lúa: 78	m2	78,00		10.000		100%	780.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.233.861.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.233.861.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	4		7.200.000		100%	28.800.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khâu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khâu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.749		130.000		30%	68.211.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1749,00		130.000		500%	1.136.850.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							1.478.721.000	
	Bảng chữ: Một tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

38

Chủ hộ: **Mai Văn Cải**
Số CCCD: **031150010151** Ngày cấp: **28/09/2021** Số điện thoại: **0385887914**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	147,30					18.850.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 32/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 627a/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 08/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	145,00		130.000		100%	18.850.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	2,30		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							1.450.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 32/3 Trồng lúa: 145,0	m2	145,00		10.000		100%	1.450.000 1.450.000 1.450.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							112.505.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							112.505.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	7		1.800.000		100%	12.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	145		130.000		30%	5.655.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	145,00		130.000		500%	94.250.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							132.805.000	
	Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu, tám trăm lẻ năm nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

39

Chủ hộ: **Phạm Thế Phổ**
Số CCCD: 031054010234 Ngày cấp: 23/11/2021 Số điện thoại: 0793352974
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	765,70					99.450.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 383/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 514/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/11/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	765,00		130.000		100%	99.450.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	0,70		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							7.650.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 383/1 Trồng lúa: 765,0	m2	765,00		10.000		100%	7.650.000 7.650.000 7.650.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							548.685.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							548.685.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	6		3.600.000		100%	21.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	765		130.000		30%	29.835.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	765,00		130.000		500%	497.250.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							655.785.000	
	Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

40

Chủ hộ: **Phạm Thế Phổ**
Số CCCD: **031054010234** Ngày cấp: **23/11/2021** Số điện thoại: **0793352974**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	55,80					6.760.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 72/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 514/NGSĐĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/11/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	52,00		130.000		100%	6.760.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	3,80		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							946.400	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 72/3 Mùi tàu: 52,0	m2	52,00		18.200		100%	946.400 946.400 946.400	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							35.828.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							35.828.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	0		0		100%	0	
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	52		130.000		30%	2.028.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	52,00		130.000		500%	33.800.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số: Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm đồng./.							43.534.400	

NGƯỜI LẬP BIỂU
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

41

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Tín (đã chết) - Nguyễn Văn Huỳnh (con)**
Số CCCD: **031072015879** Ngày cấp: **31/08/2021** Số điện thoại: **0336928821**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.693,40					218.140.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 606/1+203/3+235/3+283/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 450/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/11/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.678,00		130.000		100%	218.140.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	15,40		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							33.930.400	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							33.930.400	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 606/1							7.280.000	
	Trồng lúa: 728	m2	728,00		10.000		100%	7.280.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 203/3							12.890.400	
	sả, riềng: 262	m2	262,00		24.600		100%	6.445.200	
	Xả, riềng: 262,0	m2	262,00		24.600		100%	6.445.200	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 235/3							6.080.000	
	Trồng lúa: 304	m2	304,00		10.000		100%	3.040.000	
	Trồng lúa: 304,0	m2	304,00		10.000		100%	3.040.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 283/3							7.680.000	
	Trồng lúa: 384	m2	384,00		10.000		100%	3.840.000	
	Trồng lúa: 384,0	m2	384,00		10.000		100%	3.840.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.181.342.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.181.342.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	7		3.600.000		100%	25.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.678		130.000		30%	65.442.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1678,00		130.000		500%	1.090.700.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							1.433.412.400	
	Bảng chữ: Một tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm mười hai nghìn, bốn trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

42

Chủ hộ: **Mai Văn Tiếp**
Số CCCD: **031065005891** Ngày cấp: **10/06/2025** Số điện thoại: **0369599224**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Xuân Đông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.494,70					190.879.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 492/1+23/3+137/3+276/3+360/3								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 496/NGSĐĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/11/2025.								
1.2	Đối với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.468,30		130.000		100%	190.879.000	
1.3	Đối với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đối với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đối với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đối với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đối với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	26,40		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							14.947.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							14.947.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 492/1 Trồng lúa: 402,3	m2	402,30		10.000		100%	4.023.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 23/3 Trồng lúa: 156	m2	156,00		10.000		100%	1.560.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 137/3 Trồng lúa: 474	m2	474,00		10.000		100%	4.740.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 276/3							2.370.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Trồng lúa: 237 Thửa số/Tờ bản đồ số: 360/3	m2	237,00		10.000		100%	2.370.000	
	Trồng lúa: 225,4	m2	225,40		10.000		100%	2.254.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.026.058.700	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.026.058.700	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	2		7.200.000		100%	14.400.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.468		130.000		30%	57.263.700	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1468,30		130.000		500%	954.395.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							1.231.884.700	
	Bảng chữ: Một tỷ, hai trăm ba mươi một triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

43

Chủ hộ: **Nguyễn Thị Hòa**
Số CCCD: **031155000582** Ngày cấp: **28/06/2021** Số điện thoại: **090882675**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Vụ Nông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.262,40					164.060.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 120/1+133/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 1142/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.262,00		130.000		100%	164.060.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	0,40		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							12.620.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							12.620.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 120/1							8.220.000	
	Trồng lúa: 822,0	m2	822,00		10.000		100%	8.220.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 133/1							4.400.000	
	Trồng lúa: 440,0	m2	440,00		10.000		100%	4.400.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							887.518.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							887.518.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	10		1.800.000		100%	18.000.000	
	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.262		130.000		30%	49.218.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1262,00		130.000		500%	820.300.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							1.064.198.000	
	Bằng chữ: Một tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm chín mươi tám nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

44

Chủ hộ: **Phạm Thế Tý (đã chết) - Nguyễn Thị Cơ (con dâu)**
Số CCCD: 031166002398 Ngày cấp: 09/05/2021 Số điện thoại: 0826879588
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Vụ Nông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	488,00					60.190.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 140/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 937/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 21/11/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	463,00		130.000		100%	60.190.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	25,00		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							4.630.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 140/1 Trồng lúa: 463,0	m2	463,00		10.000		100%	4.630.000 4.630.000 4.630.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							358.607.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							358.607.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	11		3.600.000		100%	39.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	463		130.000		30%	18.057.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	463,00		130.000		500%	300.950.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							423.427.000	
	Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

45

Chủ hộ: **Nguyễn Tiến Đức**
Số CCCD: **031053008233** Ngày cấp: **24/02/2022** Số điện thoại: **0335222735**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Vụ Nông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	64,70					8.411.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 2/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 616a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 08/01/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	64,70		130.000		100%	8.411.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2					0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							647.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 2/1 Thửa: 02/01 Trồng lúa: 64,7	m2	2,00 64,70		0 10.000		0% 100%	0 647.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							58.978.300	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							58.978.300	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	4		3.600.000		100%	14.400.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	65		130.000		30%	2.523.300	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	64,70		130.000		500%	42.055.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							68.036.300	
	Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

46

Chủ hộ: **Nguyễn Quang Huy**
Số CCCD: 031072004660 Ngày cấp: 31/08/2021 Số điện thoại: 0904228795
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Vụ Nông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.517,20					196.300.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 62/1+131/1+141/1+148/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 1033/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 21/11/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.510,00		130.000		100%	196.300.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	7,20		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							15.100.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							15.100.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 62/1							5.200.000	
	Trồng lúa: 520	m2	520,00		10.000		100%	5.200.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 131/1							2.780.000	
	Trồng lúa: 278	m2	278,00		10.000		100%	2.780.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 141/1							3.320.000	
	Trồng lúa: 332	m2	332,00		10.000		100%	3.320.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 148/1							3.800.000	
	Trồng lúa: 380	m2	380,00		10.000		100%	3.800.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.097.990.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.097.990.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	8		7.200.000		100%	57.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khâu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khâu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.510		130.000		30%	58.890.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1510,00		130.000		500%	981.500.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							1.309.390.000	
	Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm lẻ chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

47

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Cường**
Số CCCD: **031060003273** Ngày cấp: **13/08/2021** Số điện thoại:
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Vụ Nông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	316,70					41.080.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 26/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 1043a/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/4/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	309,10		130.000		100%	40.183.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	6,90		130.000		100%	897.000	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	0,70		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							3.091.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							3.091.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 26/1							3.091.000	
	Thửa 26/01		0,00		0		0%	0	
	Trồng lúa: 309,1	m2	309,10		10.000		100%	3.091.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							232.124.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							227.369.900	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	8		1.800.000		100%	14.400.000	
3.1.2	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	309		130.000		30%	12.054.900	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	309,10		130.000		500%	200.915.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							4.754.100	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	7		130.000		30%	269.100	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	6,9		130.000		500%	4.485.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							276.295.000	
	Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

48

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Cường**
Số CCCD: **031060003273** Ngày cấp: **13/08/2021** Số điện thoại:
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Vụ Nông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	97,50					12.480.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 36/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 1043a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/4/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	96,00		130.000		100%	12.480.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	1,50		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							960.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 36/1 Trồng lúa: 96,0	m2	96,00		10.000		100%	960.000 960.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							66.144.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							66.144.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	0		0		100%	0	
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	96		130.000		30%	3.744.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	96,00		130.000		500%	62.400.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số: Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng./.							79.584.000	

NGƯỜI LẬP BIỂU
 TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

49

Chủ hộ: **Nguyễn Trọng Đáp**
Số CCCD: **031187007187** Ngày cấp: **11/08/2021** Số điện thoại: **0373286899**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **Vụ Nông**
Địa chỉ thường trú: **Hồng An**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	139,70					18.161.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 4/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 1049a/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/4/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	139,70		130.000		100%	18.161.000	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2					0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							1.299.210	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 4/1 Thửa: 04/01 Trồng sen: 139,7	m2	4,00 139,70		0 9.300		0% 100%	0 1.299.210	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							99.853.300	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							99.853.300	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	2		1.800.000		100%	3.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	140		130.000		30%	5.448.300	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	139,70		130.000		500%	90.805.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							119.313.510	
	Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu, ba trăm mười ba nghìn, năm trăm mười đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

52

Chủ hộ: **Đinh Thị Sủi**
Số CCCD: **031076003558** Ngày cấp: **28/06/2021** Số điện thoại: **0855967102**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **An Hưng**
Địa chỉ thường trú:

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	208,40					26.780.000	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 9/4								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 36/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 11/3/2026.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2	206,00		130.000		100%	26.780.000	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	2,40		130.000		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							0	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 9/4 Chuối cao 1.2m: 14 Chuối cao <1.0m: 21	Cây Cây	14,00 21,00		70.000 40.000		0% 0%	0 0	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	0		0		100%	0	
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	0,00		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							26.780.000	
	Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU
 TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

57

Chủ hộ: **Đặng Thị Chiện**
Số CCCD: **031170000063** Ngày cấp: **13/08/2021** Số điện thoại: **0394970896**
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **An Hưng**
Địa chỉ thường trú: **An Hưng**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
1.1	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất : Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 122/4+135/4+150/4+204/6+155/4+339/5+305/5	m2	2.620,80					0	
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 130/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 08/6/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	793,00		0		100%	0	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2	1.827,80		0		100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2					0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							129.137.930	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							129.137.930	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 122/4							8.439.600	
	Trồng dưa: 108,2	m2	108,20		39.000		100%	4.219.800	
	Trồng dưa: 108,2	m2	108,20		39.000		100%	4.219.800	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 135/4							17.659.200	
	Trồng dưa: 192,0	m2	192,00		39.000		100%	7.488.000	
	Trồng Dưa: 260,8	m2	260,80		39.000		100%	10.171.200	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 150/4							40.489.800	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Trồng dưa: 495,2	m2	495,20		39.000		100%	19.312.800	
	Trồng Dưa: 543,0	m2	543,00		39.000		100%	21.177.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 204/6							3.691.230	
	Rau răm: 300,1	m2	300,10		12.300		100%	3.691.230	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 155/4							49.019.100	
	Trồng dưa: 494,9	m2	494,90		39.000		100%	19.301.100	
	Trồng Dưa: 762	m2	762,00		39.000		100%	29.718.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 339/5							3.095.000	
	Trồng lúa: 309,5	m2	309,50		10.000		100%	3.095.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 305/5							6.744.000	
	Trồng lúa: 337,2	m2	337,20		10.000		100%	3.372.000	
	Trồng lúa: 337,2	m2	337,20		10.000		100%	3.372.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							603.977.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							603.977.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	8		7.200.000		100%	57.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khâu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khâu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	793		130.000		30%	30.927.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	793,00		130.000		500%	515.450.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							733.114.930	
	Bảng chữ: Bảy trăm ba mươi ba triệu, một trăm mười bốn nghìn, chín trăm ba mươi đồng./.								

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

58

Chủ hộ: **Trần Văn Liễu vợ là Nguyễn Thị Xuân**
Số CCCD: **031060003717** Ngày cấp: **26/01/2022** Số điện thoại:
Địa chỉ thửa đất thu hồi: **TDP Lê Xá**
Địa chỉ thường trú: **Đại Bản**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	620,00					0	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 99/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 673/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 10/11/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	620,00		0		100%	0	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2					0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							6.200.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 99/2 Trồng lúa: 620,0	m2	620,00		10.000		100%	6.200.000 6.200.000 6.200.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							436.180.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							436.180.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	5		1.800.000		100%	9.000.000	
3.1.2	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	620		130.000		30%	24.180.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	620,00		130.000		500%	403.000.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							442.380.000	
	Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

59

Chủ hộ: **Nguyễn Đình Phương (Nguyễn Đức Phương)**
Số CCCD: **031172013506** Ngày cấp: **25/08/2021** Số điện thoại: **376241865**
Địa chỉ thửa đất thu hồi:
Địa chỉ thường trú: **Lê Xá**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	360,10					0	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 122/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 686/NGSDD được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 10/11/2025.								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	360,00		0		100%	0	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	0,10		0		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							3.600.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới: Thửa số/Tờ bản đồ số: 122/2 Trồng lúa: 360,0	m2	360,00		10.000		100%	3.600.000 3.600.000 3.600.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							257.040.000	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							257.040.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	5		1.800.000		100%	9.000.000	
	Các hộ có đất thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 1.800.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	360		130.000		30%	14.040.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	360,00		130.000		500%	234.000.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							260.640.000	
	Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

60

Chủ hộ: **Nguyễn Thị Nhụ (đã chết) con trai Nguyễn Đức Hưng**
Số CCCD: **031077004064** Ngày cấp: **23/12/2021** Số điện thoại: **0936961307**
Địa chỉ thửa đất thu hồi:
Địa chỉ thường trú: **TDP Vụ Nông**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	524,40					0	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 22/1+95/1								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 445a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 08/01/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	512,40		0		100%	0	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	12,00		0		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							5.124.000	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							5.124.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 22/1							1.764.000	
	Trồng lúa: 176,4	m2	176,40		10.000		100%	1.764.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 95/1							3.360.000	
	Trồng lúa: 336,0	m2	336,00		10.000		100%	3.360.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							374.643.600	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							374.643.600	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	3		7.200.000		100%	21.600.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	512		130.000		30%	19.983.600	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	512,40		130.000		500%	333.060.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bằng số:							379.767.600	
	Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

61

Chủ hộ: **Nguyễn Văn Vỹ**
Số CCCD: **031049006434** Ngày cấp: **06/09/2021** Số điện thoại: **0399203177**
Địa chỉ thửa đất thu hồi:
Địa chỉ thường trú: **TDP Văn Tiến**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	3.571,10					0	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 12/2+90/2+143/2+297/2+339/2+366/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 375a/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 12/01/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	2.671,00		0		100%	0	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2	428,90		0		100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2	155,10		0		100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	316,10		0		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							34.426.200	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							34.426.200	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 12/2							0	
	Bạch đàn ĐK 20cm: 6	Cây	6,00		350.000		0%	0	
	cây keo ĐK 30cm: 9	Cây	9,00		230.000		0%	0	
	Bạch đàn ĐK 20cm: 4	Cây	4,00		350.000		0%	0	
	Tre 2 bụi (khóm) > 4-5 thân: 2	Khóm	2,00		137.000		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 90/2							9.536.800	
	Mùi tàu: 524,0	m2	524,00		18.200		100%	9.536.800	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 143/2 Mùi tàu: 417,0	m2	417,00		18.200		100%	7.589.400 7.589.400	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 297/2 Trồng lúa: 518,0	m2	518,00		10.000		100%	5.180.000 5.180.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 339/2 Trồng lúa: 114,0	m2	114,00		10.000		100%	1.140.000 1.140.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 366/2 Trồng lúa: 1098,0	m2	1.098,00		10.000		100%	10.980.000 10.980.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							1.883.519.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							1.883.519.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	12		3.600.000		100%	43.200.000	
	Các hộ có đất thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 3.600.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	2.671		130.000		30%	104.169.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	2671,00		130.000		500%	1.736.150.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							1.917.945.200	
	Bảng chữ: Một tỷ, chín trăm mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm đồng./.								

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

62

Chủ hộ: **Đào Thế Lập (đã chết) con gái Đào Thị Thu**
Số CCCD: **031195003912** Ngày cấp: **13/08/2021** Số điện thoại: **0347394851**
Địa chỉ thửa đất thu hồi:
Địa chỉ thường trú: **TDP Văn Tiến**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.675,50					0	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 33/2+274/2+312/2+413/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 347/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 07/11/2025								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.299,00		0		100%	0	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2	360,00		0		100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	16,50		0		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							20.502.800	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							20.502.800	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 33/2							2.270.000	
	Trồng lúa: 227	m2	227,00		10.000		100%	2.270.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 274/2							3.600.000	
	Trồng lúa: 360,0	m2	360,00		10.000		100%	3.600.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 312/2							0	
	Sân thuyền cao 1,2 m: 124	Cây	124,00		25.000		0%	0	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 413/2							14.632.800	
	Rau mùi tàu: 804	m2	804,00		18.200		100%	14.632.800	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	
3	Các khoản hỗ trợ:							909.411.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							909.411.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khâu	2		7.200.000		100%	14.400.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khâu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khâu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.299		130.000		30%	50.661.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1299,00		130.000		500%	844.350.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							929.913.800	
	Bảng chữ: Chín trăm hai mươi chín triệu, chín trăm mười ba nghìn, tám trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC

Hồng An, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2)

63

Chủ hộ: **Phạm Thế Chước (chết) con trai Phạm Thế Vững**
Số CCCD: **031076002316** Ngày cấp: **11/08/2021** Số điện thoại: **0936818694**
Địa chỉ thửa đất thu hồi:
Địa chỉ thường trú: **TDP Văn Tiến**

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Đất:								
	Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất :	m2	1.127,10					0	
1.1	Nguồn gốc đất - Thửa số/Tờ bản đồ số: 50/2+140/2+166/2								
	Đính kèm Nguồn gốc sử dụng đất số 110/NGSDĐ được phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị lập, trình Ủy ban nhân dân phường Hồng An phê duyệt ngày 28/4/2026								
1.2	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN trong chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2	1.125,00		0		100%	0	
1.3	Đổi với đất nông nghiệp được cấp GCN hoặc đủ điều kiện cấp GCN ngoài chỉ giới. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng.	m2					100%	0	
1.4	Đổi với đất tự sử dụng trong chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.5	Đổi với đất tự sử dụng ngoài chỉ giới đủ điều kiện bồi thường về đất. Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-CT ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng	m2					100%	0	
1.6	Đổi với đất 5% diện tích đất trong chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.7	Đổi với đất 5% diện tích đất ngoài chỉ giới không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	m2					100%	0	
1.8	Diện tích đất không bồi thường:	m2	2,10		0		0%	0	
2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu:							14.620.200	
2.1	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu trong chỉ giới:							14.620.200	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 50/2 Rau mùi tàu: 411	m2	411,00		18.200		100%	7.480.200	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 140/2 Lúa: 256	m2	256,00		10.000		100%	2.560.000	
	Thửa số/Tờ bản đồ số: 166/2 Lúa: 458	m2	458,00		10.000		100%	4.580.000	
2.2	Vật kiến trúc, Cây cối, Hoa màu ngoài chỉ giới:							0	

STT	CÁC KHOẢN MỤC TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	HỆ SỐ ĐC GIÁ ĐẤT	HỆ SỐ BT, HT	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
3	Các khoản hỗ trợ:							825.525.000	
3.1	Đối với diện tích đất trong chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							825.525.000	
3.1.1	Hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	khẩu	7		7.200.000		100%	50.400.000	
	Các hộ có đất thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà không phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng x 30 kg/tháng/khẩu x 20.000 đồng/kg (giá gạo bình quân) = 7.200.000 đồng/khẩu								
3.1.2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	1.125		130.000		30%	43.875.000	
3.1.3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	1125,00		130.000		500%	731.250.000	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
3.2	Đối với diện tích đất ngoài chỉ giới: Trường hợp hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất, cây cối hoa màu thì được hỗ trợ các khoản như sau:							0	
3.2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	m2	-		130.000		30%	0	
3.2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp	m2	-		130.000		500%	0	
	- Số tiền hỗ trợ: Diện tích các hộ sử dụng được xác định là trực tiếp sản xuất nông nghiệp (m2) x Mức hỗ trợ (đồng/m2). - Mức hỗ trợ trợ được tính toán bằng 05 lần giá đất nông nghiệp đã được phê duyệt(đồng/m2).								
4	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (4) = (1) + (2) + (3)								
	Bảng số:							840.145.200	
	Bảng chữ: Tám trăm bốn mươi triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm đồng./.								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
GIÁM ĐỐC